

Số: *23* /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều



của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 271/TTr-SNV ngày 24 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng) chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

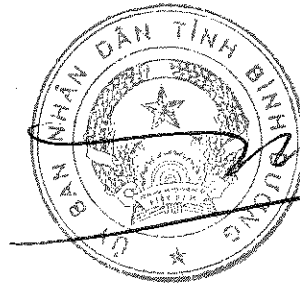
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức hội, các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận: *ky*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- BTP;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các CQ TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- LĐVP, Lh, TH, HC;
- Trung tâm Công báo;
- Đài PTTH, Báo BD, Website tỉnh;
- Lưu: VT. *ky*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bao gồm: hình thức, nội dung tổ chức các phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn, cơ cấu, tỷ lệ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, đề nghị, xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng và quản lý hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự thủ tục xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thành tích cao từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ và các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân Việt Nam, hộ gia đình, các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam, tham gia phong trào thi đua đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh thì được xem xét khen thưởng theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc, căn cứ xét danh hiệu thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, cùng phát triển và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới.

b) Danh hiệu thi đua được xét dựa vào quy định của phong trào thi đua và thành tích đạt được trong phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức: việc xét tặng các danh hiệu thi đua căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu đăng ký thi đua và thành tích đạt được của cá nhân tham gia phong trào thi đua.

2. Nguyên tắc, căn cứ xét khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng và kịp thời.

b) Chỉ tặng một hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.

c) Việc xét khen thưởng căn cứ tiêu chuẩn khen thưởng, phạm vi và mức độ ảnh hưởng của thành tích, trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

d) Đối với cá nhân trong một năm không khen thưởng quá hai hình thức khen của cùng một cấp, trừ hình thức khen thưởng đột xuất.

e) Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem xét đến thành tích của tập thể do người đó phụ trách, người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng khi tập thể do người đó phụ trách được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (trừ khen thưởng đột xuất).

g) Thành tích đạt được tiêu biểu ở cấp nào thì cấp đó khen thưởng. Số lượng đề nghị cấp trên khen thưởng phải ít hơn số lượng được khen thưởng ở cấp cơ sở. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn hoặc có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn thì được xem xét khen thưởng ở mức cao hơn.

h) Quan tâm khen thưởng cho các tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất, công tác và các hộ gia đình, nhân dân; đặc biệt quan tâm khen thưởng, động viên đối với các tập thể, cá nhân trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích có phạm vi ảnh hưởng lớn, có thể nhân rộng điển hình tiên tiến.

Điều 4. Đăng ký thi đua

1. Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để đăng ký nội dung, chỉ tiêu và danh hiệu thi đua với các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động phong trào thi đua.

2. Đối với tập thể được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, các chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch năm được cơ quan có thẩm quyền giao. Đối với các tập thể không được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn kết quả thực hiện của năm trước liền kề.

3. Đối với phong trào thi đua và danh hiệu thi đua, các đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua phải đăng ký với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen

thường tính trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, riêng ngành giáo dục đăng ký trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đảm nhận việc tổ chức phát động, chỉ đạo toàn diện phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Sở Nội vụ là cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng, có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức, phát động, nhân rộng phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để tổ chức, phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu giúp Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi quản lý; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương; phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức và phối hợp với chính quyền cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến; tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng; kiến nghị bổ sung, sửa đổi những bất hợp lý về chính sách khen thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương, Báo Bình Dương và các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, những mô hình mới, cách làm hay để phổ biến, nhân rộng, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, đồng thời đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: là hình thức thi đua được phát động và tổ chức theo năm kế hoạch nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương và theo cụm, khối thi đua. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, các chỉ tiêu cụ thể và biện pháp tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua.

Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, đề xuất hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tích cực tham gia phong trào thi đua đạt thành tích xuất sắc.

2. Thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề): được tổ chức để thực hiện tốt, nhanh, hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất theo từng giai đoạn và thời gian nhất định, thi đua theo đợt được phát động khi đã xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung, biện pháp và thời gian thực hiện.

Thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) có thể tổ chức trong phạm vi một đơn vị, địa phương hoặc trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu, nội dung thi đua và giải pháp thực hiện. Việc xác định nội dung, tiêu chí thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng công tác tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của phong trào, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào và đánh giá kết quả thi đua. Đối với thi đua chuyên đề từ 01 năm trở lên thì kết thúc năm công tác không tổ chức tổng kết, chỉ sơ kết giữa giai đoạn và tổng kết khi kết thúc chuyên đề, đồng thời xét chọn tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Những phong trào thi đua theo đợt, ngắn hạn có thời gian thực hiện từ 01 năm trở xuống thì không sơ kết mà tiến hành tổng kết ngay khi kết thúc đợt thi đua.

Điều 8. Yêu cầu tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị, địa phương; mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và hình thức thi đua phải phù hợp với điều kiện thực tế cũng như khả năng tham gia của quần chúng, người lao động.

2. Phong trào thi đua cần hướng về cơ sở và người lao động trực tiếp, cần có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai phong trào thi đua, cơ quan phát động và tổ chức phong trào phải thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện phong trào thi đua của các tập thể, cá nhân đăng ký tham gia.

4. Chú trọng xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm của phong trào thi đua.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất, chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.
- e) Đối với cá nhân là đảng viên phải được phân loại đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Đối với công nhân, nông dân, người lao động phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
- b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả

công tác được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và được áp dụng mang lại hiệu quả.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, giải pháp cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, giải pháp cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở quyết định thành lập. Hội đồng xét sáng kiến, giải pháp ở huyện, thị xã, thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, chọn tiêu biểu trong số những cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có tác dụng ảnh hưởng đối với toàn tỉnh và được Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận hoặc cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học cấp tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

2. Công nhân, nông dân, người lao động có sáng kiến, giải pháp, sáng chế... có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc được cấp “Bằng Lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì được đề nghị xem xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh mà không bị ràng buộc bởi danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm, chọn trong số tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng cho văn phòng sở, chi cục, các phòng, ban chuyên môn tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các tổ, đội thuộc chi cục và tương đương có số lượng cán bộ, công chức, viên chức từ 30 người trở lên.

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng cho cơ quan Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc cấp huyện; các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng cho các trường học, bệnh viện, trung tâm y tế cấp huyện và tương đương; các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường đại học, cao đẳng, bệnh viện tuyến tỉnh, phòng khám đa khoa khu vực.

d) Đối với doanh nghiệp là tổng công ty: Xét tặng cho các phòng, ban trực thuộc tổng công ty, các công ty thành viên; đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: xét tặng cho các phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng sản xuất và tương đương.

e) Không xét danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” đối với các phòng, ban, tương đương thuộc sở, ban, ngành đoàn thể và tương đương có số lượng cán bộ công chức, viên chức, người lao động từ 03 người trở xuống.

Điều 14. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối tượng xét tặng:

a) Đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh; các doanh nghiệp đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” theo Quy định về đối tượng, tiêu chí, trình tự thủ tục xét khen thưởng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân xuất sắc” trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua của một số sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chuẩn xét tặng:

a) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét, tặng cho tập thể tiêu biểu, trên cơ sở tổng kết phong trào thi đua hàng năm của đơn vị, địa phương, có tổ chức phân chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua, có xây dựng quy chế hoạt động bình xét, chấm điểm thi đua để chọn ra đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua. Các đơn vị được suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của ngành, địa phương;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh, trong ngành hoặc địa phương học tập;

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

- Tổ chức Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh.

b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các phong trào thi đua chuyên đề thực hiện theo văn bản hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng phong trào cụ thể.

Điều 15. Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Để cổ vũ, động viên các tập thể năng động, sáng tạo trong lao động, sản xuất và công tác, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bức trướng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhân dịp lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của đơn vị, địa phương (năm tròn hoặc năm chẵn).

2. Tiêu chuẩn xét tặng: Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất và công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Tổ dân phố, khu phố văn hóa” thực hiện theo Điều 29, 30 của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Giấy khen

Giấy khen để tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, có thành tích trong các đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề; khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Ngoài hình thức khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề, Giấy khen được tặng cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với cá nhân:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- c) Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Đối với tập thể:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể;
- d) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Đối với hộ gia đình: Tặng thưởng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất

- a) Là hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích: mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt; cá nhân có thành tích xuất sắc trong tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng;
- b) Cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc gia (khu vực, vùng, miền do Trung ương tổ chức) và đoạt giải nhất cấp tỉnh;
- c) Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh Bình Dương;

d) Tặng thưởng cho cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức phục vụ chương trình, mục tiêu trọng điểm, các phong trào từ thiện xã hội do địa phương phát động có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên đối với tập thể và 100 triệu đồng trở lên đối với cá nhân (được tính cộng dồn đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

2. Khen thưởng theo phong trào hoặc chuyên đề

Là hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn sơ kết, tổng kết của đơn vị, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề, các cuộc vận động từ 01 năm trở lên thì lãnh đạo các đơn vị, địa phương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp phong trào, chuyên đề được tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, cơ quan, đơn vị tổ chức phong trào thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho các tập thể nhỏ, các đối tượng trực tiếp lao động sản xuất, nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở; đội ngũ chuyên viên, cán sự, nhân viên trực tiếp thực hiện phong trào, chuyên đề; các tập thể, cá nhân chỉ được tặng Bằng khen về thành tích thực hiện chuyên đề, phong trào không quá 01 lần trong 01 năm.

3. Khen thưởng thành tích đối ngoại

Là hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa địa phương và các nước trên thế giới hoặc có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

4. Khen thưởng theo thành tích đạt được (tổng kết năm công tác)

a) Đối với cá nhân

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 2 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

- Cá nhân là lãnh đạo đơn vị, địa phương xếp thứ nhất, nhì, ba được bình xét theo cụm, khối thi đua của tỉnh.

b) Đối với tập thể

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

- Tập thể đơn vị xếp thứ nhì, ba được bình xét theo cụm, khối thi đua của tỉnh và của huyện, thị xã, thành phố.

5. Khen thưởng theo công trạng

Tặng thưởng 01 lần cho cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) có quá trình công tác từ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, có công lao, thành tích, đóng góp hoặc sáng tạo trong các phong trào thi đua, trong công tác, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; đối tượng đề nghị khen thưởng theo công trạng phải là những cá nhân chưa được tặng bất kỳ hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp tỉnh trở lên.

Chương IV **NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG** **VÀ CƠ CẤU, TỶ LỆ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 19. Những trường hợp không xét thi đua, khen thưởng

1. Đối với tập thể:

- a) Không đăng ký phong trào thi đua và nội dung, chỉ tiêu thi đua;
- b) Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở, tổ công đoàn xếp loại yếu kém;
- c) Để xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;
- d) Vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở; nội bộ mất đoàn kết (căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền);
- e) Để xảy ra tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước;
- g) Chưa xét thi đua đối với những đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang chờ cơ quan có thẩm quyền kết luận;
- h) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động dưới 12 tháng;
- i) Đơn vị, địa phương có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị nhưng tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được tham gia xét khen thưởng.

2. Đối với cá nhân:

- a) Công chức, viên chức bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên, không đăng ký thi đua hoặc mới tuyển dụng dưới 10 tháng.

b) Nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên (trừ đối tượng nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, những người trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế).

c) Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc bị xử phạt hành chính.

d) Báo cáo thành tích không thể hiện rõ thành tích đạt được, không đầy đủ các nội dung theo quy định.

Điều 20. Xét khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, thuyên chuyển công tác

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (có giấy xác nhận) thì kết hợp với thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên có giấy xác nhận kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

3. Đối với cá nhân thuyên chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

Điều 21. Tỷ lệ, cơ cấu xét thi đua, khen thưởng theo thành tích (khen thưởng tổng kết công tác hàng năm)

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: Không quy định tỷ lệ, tuy nhiên để tránh việc cào bằng trong xét khen thưởng, các đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ và quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị, địa phương để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị, địa phương cho phù hợp.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”: chọn không quá 80% trong tổng số tập thể phòng, ban, đơn vị trực thuộc;

c) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc nêu tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này;

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: chọn không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

e) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: chọn và đề nghị không quá 10% trong tổng số cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng

a) Giấy khen: Do các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập để xét tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân cho phù hợp.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đối với cá nhân: chọn và đề nghị không quá 35% trong tổng số cá nhân đạt chuẩn hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

- Đối với tập thể: chọn và đề nghị không quá 50% trong tổng số tập thể hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Khi tính tỷ lệ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động; việc xét khen thưởng tổng kết công tác hàng năm yêu cầu các đơn vị, địa phương phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; bình đẳng, dân chủ, công khai trong xét khen thưởng. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng.

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng;

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét như sau:

- Nhóm 1: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương);

- Nhóm 2: Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ quản lý (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương);

- Nhóm 3: Công chức, viên chức không giữ chức vụ (cán bộ, chuyên viên, cán sự, nhân viên, công nhân, người lao động).

Tỷ lệ khen thưởng giữa các nhóm phải đảm bảo: nhóm 1 chiếm không quá 10%, nhóm 2 chiếm không quá 30%, nhóm 3 chiếm không quá 60% trong tổng số cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, ĐỀ NGHỊ, XÉT DUYỆT VÀ THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng Cờ thi đua, Huy hiệu, Bằng khen, Bức trướng và công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, “Tập thể Lao động xuất sắc”.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định tặng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

5. Chủ nhiệm hợp tác xã trực tiếp quản lý xã viên, người lao động làm việc tại các cơ sở hợp tác xã: nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại... quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 23. Quy định về tuyển trình khen thưởng

1. Cơ quan nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương, cơ quan đó sẽ xét, công nhận các danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng, trao thưởng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền; có trách nhiệm trình cấp trên xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

4. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

5. Đối với tổ chức công đoàn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và xét, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các đối tượng sau:

Liên đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn khu công nghiệp Việt Nam - Singapore; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị trên.

6. Đối với doanh nghiệp:

a) Các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập (cổ phần, đổi mới, sắp xếp) do doanh nghiệp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Đối với các đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét khen thưởng chuyên đề, đột xuất các phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho một số tập thể và cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

7. Các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương; các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế... do Trung ương thành lập và quản lý, nếu có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì Thủ tướng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp to lớn cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương (kể cả đối tượng là người nước ngoài) thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng.

8. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động, thì khi trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh trở lên cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động và nộp đúng thời hạn.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Huy hiệu, Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp do bộ, ngành Trung ương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến hiệp ý, xác nhận thành tích cho các tập thể và người đứng đầu các tập thể thuộc tỉnh để đề nghị bộ, ngành,

đoàn thể Trung ương khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh cho ý kiến về việc đề nghị khen thưởng thành tích cao (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và cá nhân là trưởng các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

Điều 25. Tổ chức phân chia cụm, khối thi đua

1. Việc tổ chức phân chia cụm, khối thi đua và chấm điểm, xếp hạng thi đua để thúc đẩy phong trào thi đua giữa các đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về tổ chức, hoạt động cụm, khối thi đua, chấm điểm, xếp hạng thi đua.

2. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có tổ chức chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua cho các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị trực thuộc, thực hiện như sau:

a) Khi kết thúc năm công tác, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh tổ chức chấm điểm, xếp hạng thi đua cho các phòng, ban thuộc cấp huyện và gửi kết quả về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng thành tích toàn diện;

b) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh chỉ khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các đơn vị trực thuộc theo quy định nơi nào trực tiếp quản lý cán bộ và trả lương nơi đó xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Các đơn vị, địa phương khi xây dựng các quy định, quy chế khen thưởng hoặc các chương trình, kế hoạch phát động phong trào thi đua của ngành, đơn vị, địa phương phải lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh để được hướng dẫn về đối tượng, tiêu chí, tiêu chuẩn khen thưởng nhằm đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên toàn tỉnh.

Điều 26. Thủ tục, hồ sơ khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên thực hiện theo Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với khen thưởng theo thành tích đạt được hàng năm, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân (02 bản chính);

- Biên bản họp bình xét kết quả thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương (02 bản chính);

- Báo cáo tóm tắt thành tích trong 02 năm của tập thể, đối với cá nhân ngoài tóm tắt thành tích trong 02 năm ghi rõ hiệu quả của 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng trong phạm vi cơ sở (1 bản chính).

Riêng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh ngoài bản báo cáo thành tích nổi bật 03 năm liên tục của cá nhân, đồng thời gửi kèm báo cáo kết quả áp dụng sáng kiến (tên sáng kiến, tính mới của sáng kiến; hiệu quả của sáng kiến mang lại về năng suất, khối lượng, chất lượng, kết quả công việc so với trước) có xác nhận của Hội đồng xét, công nhận sáng kiến cơ sở hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh của Hội đồng Khoa học và Công nghệ; quyết định công nhận sáng kiến, quyền tác giả cấp tỉnh; Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (01 bản sao y).

b) Đối với khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có tóm tắt thành tích đạt được trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (02 bản chính);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen (02 bản chính);

- Sao gửi kèm kế hoạch tổ chức, triển khai, thực hiện phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề của cơ quan, đơn vị, địa phương, đồng thời gửi kèm báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào, chuyên đề của đơn vị (1 bản).

c) Đối với khen thưởng đột xuất, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản).

d) Khen thưởng theo thành tích đạt được (tổng kết cụm, khối thi đua của tỉnh), hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của Trưởng cụm, khối thi đua (02 bản);

- Biên bản họp của cụm, khối thi đua có ghi kết quả bỏ phiếu suy tôn, xếp hạng thi đua (02 bản); báo cáo kết quả thực hiện giao ước thi đua (01 bản).

e) Khen thưởng thành tích đối ngoại, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có tóm tắt thành tích đóng góp cho ngành, đơn vị, địa phương (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen (02 bản);

- Văn bản xin ý kiến của các cơ quan có liên quan (đối với một số trường hợp cần thiết).

g) Đối với khen thưởng theo công trạng ngoài tờ trình, biên bản họp phải có tóm tắt thành tích đạt được trong suốt quá trình công tác, có xác nhận của Thủ trưởng quản lý trực tiếp.

3. Đối với hình thức tặng bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) trong đó tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị trong quá trình hình thành và phát triển.

4. Đối với hình thức tặng Giấy khen và danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở thành phần hồ sơ gồm: tờ trình đề nghị khen thưởng, bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng (01 bộ).

5. Thủ trưởng đơn vị đề nghị khen thưởng phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh về tính chính xác của thành tích, hồ sơ, tên đơn vị, cá nhân được đề nghị khen thưởng. Khi trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đồng thời gửi kèm theo tệp điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với danh sách, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh (qua địa chỉ thư điện tử thidukhenthuong.snv@binhduong.gov.vn), trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước.

Điều 27. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Điều 28. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết công tác hàng năm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: thời gian giải quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng trước ngày dự kiến tổ chức hội nghị tổng kết ít nhất 15 ngày làm việc, hồ sơ gửi trễ so với thời gian quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không xem xét giải quyết

và cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng chậm trễ thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm.

2. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề: hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 08 ngày làm việc; riêng khen thưởng đột xuất gửi trước ít nhất 03 ngày làm việc (không tính thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định). Các đơn vị gửi hồ sơ chậm trễ không kịp trao thưởng, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỜNG

VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 29. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do thủ trưởng ngành, đơn vị, địa phương quản lý.

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm, từ nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% (một phần trăm) chi ngân sách thường xuyên cấp tỉnh quản lý (trừ kinh phí xây dựng cơ bản và các khoản khác theo quy định).

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể (kể cả đơn vị trực thuộc) được trích căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp thẩm quyền giao; căn cứ vào tổng quỹ lương theo ngạch bậc của số cán bộ, công chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm của số lao động hợp đồng trả lương theo bảng lương do Nhà nước quy định. Mức trích tối đa bằng 2% (hai phần trăm) tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc hoặc cấp hàm của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được giao hàng năm.

c) Tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh dự kiến số trích quỹ thi đua, khen thưởng và tổng hợp cùng với dự toán chi thường xuyên gửi cơ quan tài chính thẩm định để thống nhất mức trích nhưng tối đa không quá 2% (hai phần trăm) tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế được duyệt cả năm.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng căn cứ vào khả năng tài chính của tổ chức mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác. Riêng đối với các tổ chức đặc thù theo Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định hội có tính chất đặc thù; mức trích tối đa để chi khen thưởng trích từ nguồn ngân sách Nhà nước không quá 2% (hai phần trăm) tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số biên chế được duyệt cả năm.

e) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có);

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước do cơ quan chủ quản cấp trên giao; từ phần chênh lệch thu lớn hơn chi và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích khen thưởng (nếu có). Mức trích tối đa bằng 2% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, viên chức trong biên chế, hợp đồng lao động được Sở Nội vụ duyệt cả năm.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% (một phần trăm) dự toán chi ngân sách thường xuyên cấp huyện.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng cấp xã: mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% (một phần trăm) dự toán chi ngân sách thường xuyên cấp xã.

Điều 30. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, huy hiệu, cờ thi đua, giấy khen, bằng khen, làm huy hiệu Chiến sĩ thi đua, khung bằng khen, giấy khen.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã để chi cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội

ngộ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

c) Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong phạm vi địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng;

d) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

Điều 31. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật, trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Các trường hợp khen thưởng đột xuất: gương người tốt, việc tốt, có hành động dũng cảm hoặc đoạt giải cao trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương để khen thưởng động viên, khuyến khích, mức thưởng cho từng trường hợp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ trong khả năng của Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Mức chi tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 71, Điều 75, Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Chương VII
KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
TỔ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng khối, cụm thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua của khối, cụm theo các giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 34. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 35. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 80, Điều 81 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thì lập thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương ra quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Nếu phát hiện cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật, bị tòa án xét xử bằng hình thức tù phạt tù nhưng cho hưởng án treo trở lên và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền tước danh hiệu vinh dự Nhà nước.

4. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước.

Điều 36. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

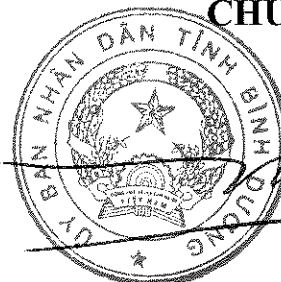
4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Quy định này để xây dựng Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nam